

Bản án số: 129/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02/03/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Út

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Minh Hải

2. Bà Phạm Thị Lan

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 03 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 930/2020/TLST-HN ngày 04 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐST-HN ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phan Hoàng N, sinh năm 1984

Địa chỉ: 22 Đường C, phường K, quận T, Tp.HCM

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Mộng H, sinh năm 1984

Địa chỉ: 22 Đường C, phường K, quận T, Tp.HCM

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ông Nguyễn Phan Hoàng N trình bày: Ông N và bà H tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, chung sống như vợ chồng đến năm 2016 thì đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 15/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Q, tỉnh Bình Phước.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có sự chia sẻ cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên ông N yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Mộng H.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Phạm Như A, sinh ngày 5/12/2013, khi ly hôn ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông N khai Không có

Bà Phạm Thị Mộng H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ông N.

Tại phiên tòa hôm nay ông N trình bày: Ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị Mộng H. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bà H không có sự chia sẻ và tôn trọng dành cho ông N, tự ý quyết định những vấn đề kinh tế của gia đình mà không qua ý kiến của ông nên tình cảm ông dành cho bà H không còn và không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị Mộng H.

Về con chung: Ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông N khai không có

Bị đơn, bà Phạm Thị Mộng H vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự cho thấy mâu thuẫn giữa ông N và bà H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Pháp luật về tố tụng:*

Ông Nguyễn Phan Hoàng N yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị Mộng H, bà H có nơi cư trú tại quận Tân Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận

Tân Bình theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 66 ngày 15/12/2016 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện Q, tỉnh Bình Phước cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Bị đơn, bà Phạm Thị Mộng H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*[2] Pháp luật về nội dung:*

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, lời trình bày của ông N tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa ngày hôm nay Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông N yêu cầu được ly hôn với bà H vì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng trong cách sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự tôn trọng, thấu hiểu và chia sẻ cùng nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt. Bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà H vẫn không trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông N và không tham gia phiên tòa chứng tỏ bà H cũng không quan tâm đến hạnh phúc gia đình và không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông N và bà H đã thật sự trầm trọng, khả năng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình là không có, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N là có căn cứ.

Về con chung: Ông N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Trẻ Nguyễn Phạm Như A có nguyện vọng được sinh sống cùng ông N, bà H không đến Tòa trình bày ý kiến về việc ly hôn cũng như yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển và điều kiện học tập của trẻ, Hội đồng xét xử giao con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

(4) *Về án phí:* Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông N phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Phan Hoàng N:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phan Hoàng N được ly hôn với bà Phạm Thị Mộng H.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phạm Như A, sinh ngày 05/12/2013 cho ông Nguyễn Phan Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà H do ông Nam không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng gia đình các bên không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**2. Về án phí:**

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Phan Hoàng N phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được miễn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông N đã nộp theo biên lai số 0068624 ngày 4/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình

**3. Quyền kháng cáo:**

Ông Nguyễn Phan Hoàng N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị Mộng H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- *Tòa án nhân dân TP.HCM;*
- *VKSND Q.Tân Bình;*
- *Chi cục THADS Q.Tân Bình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: VP, hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Thị Hồng Út**